

Số: 129 /GPMT-UBND

Bình Phước, ngày 24 tháng 10 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 061023/CVGT ngày 06/10/2023 của Công ty TNHH Đồ Gia dụng Vĩnh Thái Việt Nam về việc chỉnh sửa, bổ sung, hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Công ty TNHH Đồ Gia dụng Vĩnh Thái Việt Nam” tại lô 18, 19, cụm A4, KCN Đồng Xoài III, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 65/TTr-BQL ngày 16/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Đồ Gia dụng Vĩnh Thái Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án), địa chỉ: tại lô 18, 19, cụm A4, KCN Đồng Xoài III, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Công ty TNHH Đồ Gia dụng Vĩnh Thái Việt Nam” (Sản xuất ghế xoay và phụ kiện ghế xoay với quy mô 1.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 8.000 tấn sản phẩm/năm)) (sau đây gọi là Dự án) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư

“Công ty TNHH Đồ Gia dụng Vĩnh Thái Việt Nam” (Sản xuất ghế xoay và phụ kiện ghế xoay với quy mô 1.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 8.000 tấn sản phẩm/năm)).

1.2. Địa điểm hoạt động

Lô 18, 19, cụm A4, KCN Đồng Xoài III, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8744220294 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp chứng nhận lần đầu ngày 09/05/2019, chứng nhận hiệu đính/điều chỉnh lần thứ hai ngày 21/09/2023.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801200662 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/05/2019.

1.4. Mã số thuế: 3801200662.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Sản xuất ghế xoay và phụ kiện ghế xoay.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Dự án đầu tư có tiêu chí môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô 18, 19, cụm A4, KCN Đồng Xoài III, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước với tổng diện tích thực hiện dự án 17.280,7 m².

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô các hạng mục công trình của dự án:

+ Hạng mục công trình chính: Nhà xưởng 1 (kho nguyên liệu, kho thành phẩm) có diện tích 4.800 m²; nhà xưởng 2 (khu vực định hình, khu vực lắp ráp) có diện tích 3.840 m²; nhà văn phòng có diện tích 552 m².

+ Hạng mục phụ trợ: Nhà bảo vệ có diện tích 15 m²; nhà ăn, nhà để xe, bể phòng cháy chữa cháy có tổng diện tích 204 m²; nhà điện có diện tích 32 m².

+ Hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Nhà vệ sinh có diện tích 36 m²; khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 10m², khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 14 m²; kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 15 m².

+ Cây xanh có diện tích 3.457 m². Đường giao thông, sân bãi nội bộ có diện tích 4.305,7 m².

- Công suất: Sản xuất ghế xoay và phụ kiện ghế xoay với quy mô 1.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 8.000 tấn sản phẩm/năm), cụ thể:

+ Sản xuất ghế xoay: 400.000 sản phẩm/năm (tương đương 4.400 tấn sản phẩm/năm).

+ Sản xuất phụ kiện ghế xoay: 600.000 sản phẩm/năm (tương đương 3.600 tấn sản phẩm/năm).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Đồ Gia dụng Vĩnh Thái Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

2. Công ty TNHH Đồ Gia dụng Vĩnh Thái Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Bình Phước, Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Đồng Xoài, Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Từ ngày ~~24~~ tháng ~~10~~ năm 2023 đến ngày ~~24~~ tháng ~~10~~ năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường lên Cổng thông tin điện tử tỉnh và giao Ban Quản lý Khu kinh tế tiếp nhận Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của dự án theo quy định tại Khoản 5, Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Cty TNHH Đồ Gia dụng Vĩnh Thái Việt Nam;
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- Sở TN&MT;
- Sở TT&TT;
- UBND thành phố Đồng Xoài;
- Cty CP Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT (NN-31GP_{18/10}).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K/ CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huyệnh Anh Minh

Phụ lục 1.
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ~~129~~.../GPMT-UBND
ngày 24/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Nước thải phát sinh từ dự án được xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài III để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định, không xả trực tiếp ra môi trường.

Đã thỏa thuận đầu nối nước thải phát sinh từ dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài III tại các Văn bản: Hợp đồng thuê lại đất số 05/HĐTĐ/KDNĐXIII.2018 ngày 25/06/2019 giữa Công ty CP Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước và Công ty TNHH Đồ Gia dụng Vĩnh Thái Việt Nam; Biên bản thỏa thuận đầu nối hệ thống thoát nước mưa, nước thải vào hệ thống chung của KCN Đồng Xoài III ngày 18/8/2023.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt (từ khu vực nhà vệ sinh, nhà văn phòng) phát sinh với lưu lượng 11 m³/ngày (24 giờ) được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại 05 ngăn (tổng dung tích 96 m³) và đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài III tại 01 điểm đầu nối (đường số 04) để tiếp tục xử lý. Tọa độ điểm đầu nối nước thải: X (m) = 1273207; Y (m) = 568037 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 106°15', múi chiếu 3°).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 05 ngăn → Đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Đồng Xoài III.

- Tổng dung tích bể tự hoại: 96 m³.

- Hóa chất sử dụng: không.

- Chế độ vận hành: liên tục.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ hợp đồng hút bùn thải từ bể tự hoại. Thường xuyên kiểm tra đường ống dẫn nước, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với bể tự hoại.

- Phối hợp với Chủ đầu tư hạ tầng KCN Đồng Xoài III để giám sát các thông số nước thải của nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Đồng Xoài III.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và Điểm b, Khoản 6, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Bể tự hoại 05 ngăn.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Tại đầu ra của bể tự hoại 5 ngăn (hồ ga trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài III).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Đảm bảo đạt tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài III (QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, cột B).

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT, cột B
1	Lưu lượng	-	-
2	pH	-	5,5 - 9
3	BOD ₅	mg/l	50
4	COD	mg/l	150
5	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Tổng photpho	mg/l	6
8	Tổng nitơ	mg/l	40
9	Dầu mỡ khoáng	mg/l	10
10	Coliform	Vi khuẩn /100 ml	5.000

2.3. Tần suất lấy mẫu

Đảm bảo thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu tiếp nhận, đầu nối nước thải của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Đồng Xoài III; không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải hoạt động hiệu quả.

3.3. Công ty TNHH Đồ Gia dụng Vĩnh Thái Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài III để tiếp tục xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.4. Thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải theo đúng nội dung trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

3.5. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 2.**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: *129*/GPMT-UBND ngày *24/10/2023* của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Bụi, hơi nhựa từ công đoạn sấy hạt nhựa tại khu vực máy ép phun định hình.
- Nguồn số 02: Bụi, hơi nhựa từ công đoạn ép phun định hình tại khu vực máy ép phun định hình.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**2.1. Vị trí xả khí thải**

STT	Dòng khí thải	Vị trí	Tọa độ VN2000, kinh tuyến 106 ⁰ 15', múi chiếu 3 ⁰	
			X (m)	Y (m)
1	Dòng khí thải số 01 (nguồn số 01, nguồn số 02)	Tại ống thoát hệ thống xử lý hơi nhựa từ công đoạn sấy hạt nhựa và công đoạn ép phun định hình tại khu vực máy ép phun định hình.	1273111	568043

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH Đồ Gia dụng Vĩnh Thái Việt Nam, địa chỉ tại lô 18, 19, cụm A4, KCN Đồng Xoài III, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 9.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải

Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải (chiều cao 15 m, đường kính 400 mm), xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ, cột B (hệ số kp = 1, kv = 1) và QCVN 20:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, $k_p=1, k_v=1$	QCVN 20:2009/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ, quan trắc tự động, liên tục
1	Dòng khí thải số 01				- Tần suất quan trắc định kỳ: 03 tháng/lần. - Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ
	Bụi	mg/Nm ³	200	-	
	Propylen oxyt	mg/Nm ³	-	240	
	Etylene oxyt	mg/Nm ³	-	20	
	Etylbenzen	mg/Nm ³	-	870	
	1,3-Butadien	mg/Nm ³	-	2.200	
	Styren	mg/Nm ³	-	100	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Khí thải phát sinh từ công đoạn sấy hạt nhựa tại khu vực máy ép phun định hình (Nguồn số 01), khí thải phát sinh từ công đoạn ép phun định hình tại khu vực máy ép phun định hình (Nguồn số 02) được thu gom theo đường ống về hệ thống xử lý hơi nhựa để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý hơi nhựa: Hơi nhựa → Ống hút, chụp hút → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống thoát.

- Công suất thiết kế: 9.000 m³/giờ.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải.

- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động, đảm bảo độ ổn định của các

hệ thống xử lý.

- Khi có sự cố, tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điểm b, Khoản 6, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý hơi nhựa, công suất 9.000 m³/giờ (dòng khí thải số 1).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

01 vị trí, tương ứng với 01 ống thoát khí thải của hệ thống xử lý hơi nhựa.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $k_p = 1$, $k_v = 1,0$) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Đảm bảo thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2, Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2, Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Khoản 7 và Khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.5. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 3.
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...~~129~~.../GPMT-UBND
ngày ~~24~~./10./2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực máy nghiền nhựa.
- Nguồn số 02: Khu vực máy ép phun định hình.
- Nguồn số 03: Khu vực hệ thống xử lý hơi nhựa từ công đoạn sấy hạt nhựa và công đoạn ép phun định hình tại khu vực máy ép phun định hình.
- Nguồn số 04: Khu vực lắp ráp tạo thành phẩm.
- Nguồn số 05: Khu vực máy nén khí.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

STT	Vị trí nguồn phát sinh tiếng ồn	Tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục 106 ⁰ 15', múi chiều 3 ⁰)	
		X (m)	Y (m)
1	Khu vực máy nghiền nhựa	1273127	568061
2	Khu vực máy ép phun định hình	1273102	568058
3	Khu vực hệ thống xử lý hơi nhựa từ công đoạn sấy hạt nhựa và công đoạn ép phun định hình tại khu vực máy ép phun định hình	1273111	568043
4	Khu vực lắp ráp tạo thành phẩm	1273130	568101
5	Khu vực máy nén khí	1272774	568317

3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong khu vực sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên làm việc trong khu vực có độ ồn cao.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy móc thiết bị để giảm rung, giảm ồn. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn...

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4.
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ~~129~~.../GPMT-UBND
ngày ~~24~~/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

STT	Tên loại chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in thải	Rắn	08 02 04	KS	1
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	NH	5
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	NH	1.545
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	2
5	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	NH	619,8
Tổng khối lượng					2.172,8

Đối với chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát: Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải rắn công nghiệp thông thường	Mã số chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (tấn/năm)
1	Giấy văn phòng, giấy carton	18 01 05	TT-R	0,5

STT	Tên chất thải rắn công nghiệp thông thường	Mã số chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (tấn/năm)
2	Nylon và bao bì thải từ quá trình nhập nguyên liệu và quá trình đóng gói sản phẩm	18 01 06	TT-R	16
3	Vải hư hỏng	10 02 10	TT-R	4
4	Rìu nhựa dư, sản phẩm lỗi	03 02 12	TT-R	21,8
5	Bùn từ bể tự hoại cần xử lý	12 06 13	TT	21
Tổng khối lượng				63,3

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 68,8 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp kiểm soát

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp kiểm soát

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí 05 thùng chứa chuyên dụng bằng nhựa, có nắp đậy, chống thấm,...

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho: 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa có kết cấu tường bao, có mái che, nền chống thấm, có rãnh rốn thoát nước, gờ chắn, biển cảnh báo, dán nhãn, bố trí vật liệu hấp thụ và thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định,...

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đảm bảo thu gom, lưu giữ toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh.

2.2.2. Khu vực lưu chứa

- Diện tích khu vực lưu chứa: 14 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Có tường bao, mái che, nền chống thấm, gờ chắn, dán nhãn biển báo,...

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí các thùng chứa rác bằng nhựa, có nắp đậy đảm bảo thu gom, lưu giữ

toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

2.3.2. Khu vực lưu chứa

- Diện tích khu vực lưu chứa: 10 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Có tường bao, mái che, nền chống thấm, gờ chắn,...

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định pháp luật

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5.

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: .../GPMT-UBND
 ngày 24/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO
 QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
 TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu bảo vệ môi trường đã được Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt tại Quyết định số 2675/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Nhà máy sản xuất ghế xoay và phụ kiện ghế xoay với công suất 1.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 8.000 tấn sản phẩm/năm)); không còn hạng mục, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ Môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

3. Quản lý, sử dụng nước làm mát tại máy ép phun định hình sau khi phun nhựa vào khuôn đúc theo đúng quy định. Lượng nước làm mát khuôn đúc có nhiệt độ cao được tuần hoàn về bể chứa để giảm nhiệt độ, sau đó tái sử dụng hoàn toàn, định kỳ bổ sung bù thất thoát do bay hơi.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

9. Thực hiện các trách nhiệm khác về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật./.

